

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SA THẦY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH
V/v triển khai chính sách
tín dụng ưu đãi thực hiện
Chương trình Mục tiêu
quốc gia phát triển kinh tế -
xã hội vùng đồng bào
DTTS&MN giai đoạn từ
năm 2021-2030, giai đoạn
I: từ năm 2021-2025 theo
Nghị định 28/2022/NĐ-CP
năm 2023

Sa Thầy, ngày tháng năm 2023

Kính gửi:

- Phòng Dân tộc huyện;
- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện;
- Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách - xã hội huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã: Mô Rai, Rờ Koi, Hơ Moong, Ya Ly, Ya Xiêr, Ya Tăng, Sa Bình và thị trấn Sa Thầy.

Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về triển khai chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 đến 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 4912/HD-NHCS, ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ngân hàng Chính sách - xã hội về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Hướng dẫn 01/HD-BDT, ngày 22 tháng 8 năm 2002 của Ban Dân tộc tỉnh về hướng dẫn Quy trình rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách đối với một số Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần theo Thông tư 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc.

Để kịp thời triển khai chính sách tín dụng ưu đãi năm 2023 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 đến 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ đối với các nội dung cho vay hỗ trợ (*đất ở, nhà ở, đất sản xuất và chuyển đổi ngành nghề*). Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu:

1. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức để người dân biết và hưởng ứng tham gia vay vốn thực hiện chính sách;

- Chỉ đạo họp thôn rà soát, bình xét, đề xuất đối tượng vay vốn (*theo nguyên tắc quy định tại Khoản 2, Mục I - Hướng dẫn 01/HD-BDT, ngày 22 tháng 8 năm 2002 của Ban Dân tộc tỉnh⁽¹⁾; trong đó ưu tiên các hộ đã được phê duyệt tại Quyết định số 1459/QĐ-UBND, ngày 05/9/2022 của UBND huyện⁽²⁾ nhưng chưa được vay vốn và hiện nay vẫn còn hộ nghèo*), làm cơ sở để phê duyệt danh sách đối tượng vay vốn ưu đãi đất ở, nhà ở, đất sản xuất và chuyển đổi nghề thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023, cụ thể như sau:

1.1. Đối với vay vốn hỗ trợ đất ở

- Đối tượng: Hộ nghèo dân tộc thiểu số; Hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất ở.

- Điều kiện vay vốn: Phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Cư trú hợp pháp tại địa phương;

+ Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật;

+ Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

- Mục đích: Để sử dụng vào việc trang trải chi phí để có đất ở (*chi phí tạo mặt bằng, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật đất đai*).

- Định mức: Do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 50 triệu đồng/hộ.

- Thời hạn cho vay: Do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận, nhưng tối đa là 15 năm. Trong 5 năm đầu, khách hàng chưa phải trả nợ gốc.

- Lãi suất cho vay: Bằng 3%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

1.2. Đối với vay vốn hỗ trợ nhà ở

- Đối tượng: Hộ nghèo dân tộc thiểu số; Hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng.

- Điều kiện vay vốn: Phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Cư trú hợp pháp tại địa phương;

+ Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật;

⁽¹⁾ Về hướng dẫn Quy trình rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách đối với một số Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần theo Thông tư 02/2022/TT-UBND, ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc.

⁽²⁾ Về việc phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 đến 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP.

- + Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.
- Mục đích: Để sử dụng vào việc trang trải chi phí xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở.
- Định mức: Do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 40 triệu đồng/hộ.
- Thời hạn cho vay: Do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận, nhưng tối đa là 15 năm. Trong 5 năm đầu, khách hàng chưa phải trả nợ gốc.
- Lãi suất cho vay: Bằng 3%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

1.3. Đối với vay vốn hỗ trợ đất sản xuất:

- Đối tượng: Hộ nghèo dân tộc thiểu số; Hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp chưa có đất sản xuất.
- Điều kiện vay vốn: Phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 - + Cư trú hợp pháp tại địa phương;
 - + Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật;
 - + Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.
- Mục đích: Để sử dụng vào việc trang trải chi phí tạo quỹ đất sản xuất (*chi phí khai hoang, phục hóa, cải tạo đất sản xuất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sản xuất theo quy định của pháp luật đất đai*).
- Định mức: Do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 77,5 triệu đồng/hộ.
- Thời hạn cho vay: Do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận tối đa là 10 năm.
- Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ (hiện nay là 6,6%/năm). Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Lưu ý: Khách hàng vay vốn chỉ được vay một trong hai chính sách: Hỗ trợ đất sản xuất như tại Mục 1.3 hoặc chuyển đổi nghề như tại Mục 1.4 dưới đây.

1.4. Đối với vay vốn hỗ trợ chuyển đổi nghề:

- Đối tượng: Hộ nghèo dân tộc thiểu số; Hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp chưa có đất sản xuất nhưng không còn quỹ đất sản xuất, không có điều kiện, khả năng để khai hoang phục hóa, cải tạo đất sản xuất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sản xuất

theo quy định của pháp luật đất đai.

Ghi chú: Riêng đối tượng cho vay đối với Hộ nghèo dân tộc thiểu số; Hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của từng địa phương có nhu cầu chuyển đổi nghề hoặc có nhu cầu về đất sản xuất nhưng không có điều kiện, khả năng để khai hoang phục hóa, cải tạo đất sản xuất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sản xuất theo quy định của pháp luật đất đai (theo Điểm c, Khoản 1, Mục III, Quyết định 1719/QĐ-TTg và Khoản 2, Điều 8, Mục 3, Chương II, Thông tư 02/2022/TT-UBDT) chưa có căn cứ triển khai (do cấp tỉnh chưa có văn bản hướng dẫn định mức áp dụng), khi có căn cứ sẽ triển khai sau.

- Điều kiện vay vốn: Phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 - + Cư trú hợp pháp tại địa phương;
 - + Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật;
 - + Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.
- Mục đích: Để chi phí học nghề, chuyển đổi nghề (*chi phí mua sắm máy móc, nông cụ, làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, học nghề, chuyển đổi sang làm các ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất kinh doanh khác*).
- Định mức: Do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận tối đa bằng mức cho vay phục vụ sản xuất, kinh doanh đối với hộ nghèo được quy định trong từng thời kỳ (hiện nay tối đa 100 triệu đồng/hộ). Mức cho vay chi phí học nghề tối đa bằng mức cho vay áp dụng đối với chính sách tín dụng học sinh, sinh viên quy định trong từng thời kỳ.
- Thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận tối đa là 10 năm.
- Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ (hiện nay là 6,6%/năm). Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

2. Hạn mức vốn của từng xã: Có hạn mức vốn của từng xã theo Công văn số 12/NHCS-TH, ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Ngân hàng Chính sách - xã hội (*có gửi kèm theo*).

3. Quy trình rà soát, xác định, đề nghị phê duyệt đối tượng

a) Bước 1. Tổ chức rà soát, lập danh sách hộ thụ hưởng chính sách

- Ủy ban nhân dân xã, thị trấn xác định phạm vi, đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định, chỉ đạo trưởng các thôn, làng thông báo về nội dung chính sách, tổ chức rà soát, tổng hợp và phân loại, lập danh sách đối tượng đăng ký vay vốn theo từng nội dung: nhà ở, đất ở, đất sản xuất và chuyển đổi nghề theo Phụ lục 01 và Phụ lục 3A (*trường hợp vay vốn chuyển đổi học nghề thì xác*

định danh sách là cá nhân thuộc hộ nghèo thuộc phạm vi, đối tượng của Chương trình).

- Thời gian thực hiện: **03** ngày làm việc.

b) Bước 2. Tổ chức họp thôn để thống nhất kết quả rà soát

- Thành phần họp thôn: Trưởng thôn (chủ trì cuộc họp) tổ chức họp thôn bình xét công khai có đại diện lãnh đạo và cán bộ chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; đại diện cấp ủy chi bộ, tổ chức đoàn thể của thôn; các hộ gia đình trong thôn (có sự tham gia ít nhất 2/3 số hộ gia đình trong thôn); mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

- Nội dung: Lấy ý kiến về kết quả rà soát, tổng hợp danh sách đối tượng được vay vốn chính sách theo từng nội dung: nhà ở, đất ở, đất sản xuất và chuyển đổi nghề (có sự thống nhất của trên 50% tổng số người tham dự cuộc họp). Trường hợp ý kiến thống nhất từ 50% trở xuống thì thực hiện rà soát lại theo Bước 1 và Bước 2 nêu trên.

- Trưởng thôn lập hồ sơ kết quả cuộc họp thành 02 bộ (gồm: Biên bản họp thôn theo Phụ lục 02 và Danh sách các hộ/cá nhân vay vốn chính sách theo Phụ lục 03 và Phụ lục 3A), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp, đại diện Mặt trận, đoàn thể, cấp ủy và một số hộ dân (01 bản do Trưởng thôn lưu, 01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã).

- Thời gian thực hiện: **02** ngày làm việc, sau khi hoàn thành Bước 1.

c) Bước 3. Niêm yết, thông báo công khai

- Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, tổng hợp hồ sơ của các thôn, kiểm tra quy trình bình xét ở thôn, niêm yết công khai kết quả rà soát danh sách hộ vay vốn chính sách tại Nhà văn hóa hoặc Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo qua Đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian **03** ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá **02** ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại Nhà văn hóa hoặc Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian **03** ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện danh sách đối tượng vay vốn chính sách theo Phụ lục 03 và Phụ lục 3A.

d) Bước 4. Báo cáo, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt

- Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ lên Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng Dân tộc) về kết quả rà soát đối tượng vay vốn chính sách.

Hồ sơ 01 bộ, gồm: Văn bản (Tờ trình) của Ủy ban nhân dân cấp xã, kèm theo Danh sách các hộ/cá nhân thụ vay vốn sách cụ thể từng nội dung theo Phụ

lục 03 và Phụ lục 3A.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Căn cứ mức vốn được giao (*theo Công văn số 12/NHCS-TH, ngày 14/02/2023 của Ngân hàng Chính sách - xã hội gửi kèm*), trình tự, quy trình (*tại Mục 3 của Công văn*), chỉ đạo triển khai rà soát, bình xét, đề xuất đối tượng đề nghị vay vốn đất ở, nhà ở, đất sản xuất và chuyển đổi nghề; lập hồ sơ, thủ tục tại điểm d (Bước 4), Mục 3 của Công văn gửi về Ủy ban nhân dân huyện (*qua phòng Dân tộc*) **trước ngày 16 tháng 3 năm 2023**. Đến hết thời hạn nêu trên nếu các địa phương không gửi hồ sơ, thủ tục hoặc gửi không bảo đảm theo yêu cầu, xem như địa phương đó không có nhu cầu vay vốn; và Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương đó phải Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và nhân dân;

- Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và cơ quan thẩm quyền về việc rà soát, đề xuất đối tượng, nội dung vay vốn thực hiện chính sách;

- Hàng tháng, quý, 6 tháng, năm báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn vay về Ủy ban nhân dân huyện (*qua Phòng Dân tộc*) để theo dõi, chỉ đạo.

4.2. Trưởng phòng Dân tộc

Hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp kết quả rà soát do Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đề xuất; gửi Phòng Lao động - Thương binh và xã hội rà soát, thẩm định danh sách đối tượng vay vốn, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt **trước ngày 23 tháng 3 năm 2023**.

4.3. Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

Tổ chức thẩm định đối tượng hộ nghèo đủ điều kiện vay vốn theo đề nghị của Phòng Dân tộc.

4.4. Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách - xã hội huyện

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, các Tổ chức chính trị xã hội các cấp, Tổ Tiết kiệm và vay vốn tuyên truyền, phổ biến chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ đến nhân dân.

- Sau khi danh sách đối tượng được phê duyệt, chủ trì hướng dẫn công tác lập, xét duyệt hồ sơ và cho vay vốn đúng quy định; tổ chức giải ngân kịp thời, đúng quy định; phối hợp các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn theo dõi, kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn vay bảo đảm đúng mục đích, có hiệu quả;

- Hàng tháng, quý, 6 tháng, năm báo cáo kết quả giải ngân cho vay và tình hình sử dụng nguồn vốn vay về Ủy ban nhân dân huyện (*qua Phòng Dân tộc*) để theo dõi, chỉ đạo.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân huyện (qua đồng chí Nguyễn Đăng Bảo, Trưởng Phòng Dân tộc, số điện thoại: 0985.749.699) để hướng dẫn và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP (VHXH) (theo dõi);
- Lưu VT-LT (NTTH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Rơ Châm Lan